

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU THỌ

THỐNG KÊ SỐ TIẾT DẠY BUỔI 2 CỦA GIÁO VIÊN BIÊN CHẾ THÁNG 9/2020

Tính từ 07/9 đến 27/9/2020

Số tuần dạy : 3

Số tuần CLB : -

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
1	Lê Phan Phương Ngọc	Toán	12A02, 12A15, 11A01,		-	0	2	4		-		2	20		Dạy thay cô Trâm- cộng 2
2	Huỳnh Thị Đào	Toán	12A07, 12A14, 10A01,		-	2	0	4		-		3	21		Dạy thay cô Trâm- cộng 3
3	Nguyễn Thị Thanh Hương	Toán	12A04, 12A13, 11A07,	11A07	1	0	2	4		-			21		
4	Lê Uyên Nguyên	Toán	12A05, 12A12, 11A03,		-	0	2	4		-			18		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
5	Nguyễn Thị Kim Trâm	Toán	12A01, 12A10, 11A11,		-	0	2	4		-	12	1	7		Tuần 1 có chủ nhiệm- cộng 1; nghỉ tuần 2,3- trừ 12
6	Đinh Thị Thu Phượng	Toán	10A02, 10A09,		-	4	0	0		-		4	16		Tuần 1,2 dạy 3 lớp- cộng 4
7	Trương Thị Diễm Vy	Toán	11A05, 11A12, 10A05,		-	2	4	0		-			18		
8	Phạm Quốc Thắng	Toán	12A03, 12A11, 11A04,	12A03	1	0	2	4		-		4	25		Dạy thay cô Trâm- cộng 4
9	Đỗ Gia Hiền An	Toán	11A09, 10A06, 10A13,	10A06	1	4	2	0		-			21		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
10	Nguyễn Trọng Tín	Toán	12A06, 12A09, 10A08,	12A06	1	2	0	4		-			21		
11	Bùi Văn Long	Toán	12A08, 10A07, 10A12,	10A07	1	4	0	2		-		1	22		Dạy thay cô Trâm- cộng 1
12	Đặng Trung Dũng	Toán	11A02, 11A08,		-	0	4	0		-			12		
13	Dương Xuân Linh	Toán	11A10, 10A04, 10A11,	10A04	1	4	2	0		-			21		
14	Hồ Đăng Kim Lộc	Toán	11A06, 10A03, 10A10,	11A06	1	4	2	0		-	6	1	16		Tuần 1,2 dạy 2 lớp, chưa chủ nhiệm-trừ 6; dạy thay cô Trâm- cộng 1

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
15	Bùi Ngọc Thảo	Lý	12A01, 12A08, 12A09, 10A01, 10A04, 10A12,		-	3	0	2		-			15		
16	Đỗ Đình Đào	Lý	10A02,		-	1	0	0		-			3		
17	Nguyễn Tiến Thiên Cung	Lý	12A05, 12A10, 11A01, 11A06, 11A10, 11A12,	11A10	1	0	4	1		-			18		
18	Phạm Thị Duy Phương	Lý	12A02, 12A12, 11A03, 11A07, 11A08,	11A08	1	0	3	1		-			15		
19	Thạch Thị Lan Phương	Lý	10A06, 10A08, 10A10,		-	3	0	0		-			9		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
20	Huỳnh Chí Dũng	Lý	12A04, 12A13, 10A05, 10A07, 10A09, 10A11,	12A04	1	4	0	1		-			18		
21	Huỳnh Thị Kim Phương	Lý	12A03, 12A07, 12A11, 10A03, 10A13,		-	2	0	2		-			12		
22	Nguyễn Thị Hồng	Lý	12A06, 12A14, 12A15, 11A02, 11A05, 11A09,	11A09	1	0	3	1		-			15		
23	Nguyễn Hữu Đông	Lý	11A04, 11A11,		-	0	2	0		-			6		
24	Võ Hoàng Trâm	Hóa	12A01, 12A06, 12A15, 11A03, 11A04,		-	0	2	2		-			12		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
25	Đỗ Thị Mai Trang	Hóa	12A08, 12A09, 11A02, 11A05,	12A08	1	0	2	1		-			12		
26	Phạm Thị Hải Ngọc	Hóa	11A01, 11A10, 10A03, 10A05,	11A01	1	2	2	0		-			15		
27	Huỳnh Phúc Huy	Hóa	12A05, 12A10, 10A01, 10A13,	12A05	1	2	0	1		-			12		
28	Lê Thị Trung Hiếu	Hóa	11A06, 11A07, 10A02, 10A10,	10A10	1	2	2	0		-			15		
29	Phí Thị Phương Huê	Hóa	11A08, 11A11, 10A04, 10A06,	11A11	1	2	2	0		-			15		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
30	Nguyễn Thị Trúc Mai	Hóa	12A11, 12A12, 10A07, 10A08,		-	2	0	0		-			6		
31	Lê Thị Thanh Hoa	Hóa	12A07, 12A13, 10A09, 10A11,	12A07	1	2	0	1		-			12		
32	Lương Thị Minh Đăng	Hóa	12A02, 12A14, 10A12,	12A02	1	1	0	1		-			9		
33	Nguyễn Thị Kim Hạnh	Hóa	12A03, 12A04, 11A09, 11A12,	11A12	1	0	2	2		-			15		
34	Đinh Thị Tuyết Hồng	Sinh	12A01, 12A02, 12A03, 12A04, 12A14, 12A15, 11A07, 11A08,		-	0	0	4		-			12		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
35	Đỗ Kiều Châu	Sinh	10A04, 10A05, 10A06, 10A10, 10A11,	10A11	1	0	0	0		-			3		
36	Nguyễn Lê Trang	Sinh	12A09, 12A10, 12A11, 12A12, 12A13, 10A01, 10A02, 10A03,	10A01	1	0	0	0		-			3		
37	Nguyễn Xuân Trường	Sinh	12A05, 12A06, 12A07, 12A08, 11A05, 11A10, 11A11, 11A12,	11A05	1	0	0	4		-			15		
38	Hoàng Tăng Thái	Văn	12A01, 12A02, 12A10,		-	0	0	6		-			18		
39	Đoàn Thị Lan	Văn	12A04, 12A06, 12A09, 11A12,		-	0	2	6		-			24		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
40	Nguyễn Thị Thu Hiền	Văn	11A01, 11A03, 10A03, 10A06,		-	4	4	0		-			24		
41	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Văn	12A05, 12A15, 10A02, 10A07,	10A02	1	4	0	4		-			27		
42	Cao Thị Kim Ngân	Văn	11A09, 10A09, 10A11,	10A09	1	4	2	0		-			21		
43	Trần Phi Oanh	Văn	12A07, 12A13, 11A06,	12A13	1	0	2	4		-			21		
44	Nguyễn Thị Xiêm	Văn	11A02, 11A04, 10A12, 10A13,		-	4	4	0		-			24		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
45	Trương Minh Dũng	Văn	12A08, 12A11, 10A04,	12A11	1	2	0	4		-			21		
46	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Văn	12A03, 12A12, 12A14, 10A01,		-	2	0	6		-			24		
47	Trần Thục Anh	Văn	11A05,		-	0	2	0		-			6		
48	Cao Thị Mỹ Trang	Văn	11A08, 11A11, 10A08, 10A10,	10A08	1	4	4	0		-			27		
49	Ngô Hoàng Yến Như	Văn	11A07, 11A10, 10A05,	10A05	1	2	4	0		-			21		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
50	Lê Hoàng Nghĩa	T.Anh	10A09, 10A10,		-	4	0	0		-			12		
51	Phạm Thanh Hằng	T.Anh	12A01, 12A15, 11A06,	12A15	1	0	2	4		-			21		
52	Nguyễn Thị Phương Thảo	T.Anh	12A08, 12A09, 11A09,	12A09	1	0	2	4		-			21		
53	Dư Hồng Minh	T.Anh	12A02, 12A12, 11A05,	12A12	1	0	2	4		-			21		
54	Trương Thị Tố Quyên	T.Anh	12A03, 12A14, 11A08,	12A14	1	0	2	4		-			21		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
55	Dương Quang Vinh	T.Anh	12A04, 10A02, 10A03, 10A06,		-	6	0	2		-			24		
56	Nguyễn Ngọc Linh Phươn	T.Anh	11A11, 11A12, 10A04, 10A05,		-	4	4	0		-			24		
57	Phạm Lệ Thủy	T.Anh	12A05, 12A11, 10A13,	10A13	1	2	0	4		-			21		
58	Nguyễn Thị Hạnh	T.Anh	12A06, 12A13, 11A04, 11A10,	11A04	1	0	4	4		-			27		
59	Huỳnh Ngọc Mỹ Anh	T.Anh	12A07, 12A10, 10A07, 10A08,		-	4	0	4		-			24		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
60	Châu Adam Malik	T.Anh	11A01, 11A02, 10A11,	11A02	1	2	4	0		-			21		
61	Nguyễn Thị Thu Thảo	T.Anh	11A03, 11A07, 10A01, 10A12,		-	4	4	0		-			24		
62	Dương Đình Ngọc Báu	Sử	12A02, 12A03, 12A07, 12A09, 12A11, 12A12, 12A13,		-	0	0	4		-			12		
63	Đoàn Thị Ái Nhi	Sử	12A01, 12A04, 12A05, 12A06, 12A08, 12A10, 12A14, 12A15, 11A01,	12A10	1	0	0	3		-			12		
64	Nguyễn Đỗ Nguyệt Trúc	Sử	11A08, 11A09, 11A10, 11A11, 11A12, 10A03, 10A07, 10A08, 10A09, 10A10,	10A03	1	0	0	0		-			3		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
65	Nguyễn Trần Hồng	GDCD	12A01, 12A02, 12A03, 12A09, 12A11, 12A13, 12A15, 11A01, 11A02, 11A04, 11A05, 11A06, 11A07, 11A11		-	0	0	4		-			12		
66	Phạm Thị Thanh Loan	GDCD	12A04, 12A05, 12A06, 12A07, 12A08, 12A10, 12A12, 12A14, 10A01, 10A02, 10A03, 10A04, 10A05, 10A06		-	0	0	3		-			9		
67	Đoàn Hà Thi	GDCD	11A03, 11A08, 11A09, 11A10, 10A09, 10A10, 10A11, 10A12, 10A13,	11A03	1	0	0	0		-			3		
68	Trần Đỗ Thiên Thảo	Địa	12A05, 12A06, 12A07, 12A08, 12A09, 12A10, 12A11, 12A12, 11A01, 11A02, 11A10, 11A11, 11A12		-	0	0	4		-			12		
69	Lê Thị Loan	Địa	10A08, 10A09, 10A10, 10A11, 10A12, 10A13,	10A12	1	0	0	0		-			3		

ST T	Họ và tên giáo viên	Giảng dạy môn	Lớp phân công	Lớp chủ nhiệm	Số tiết dạy /tuần				Kiêm nhiệm		Vắng/dạy thay		Số tiết thực dạy / tháng	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
					CN	K10	K11	K12	Nội dung	Số tiết /tuần	Trừ	Cộng			
70	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Địa	12A01, 12A02, 12A03, 12A04, 12A13, 12A14, 12A15, 11A06, 11A07, 11A08, 11A09,	12A01	1	0	0	3		-			12		

Tổng cộng

40 104 96 135 - 18 16 1.123

Các sai sót trong quá trình thống kê, quý Thầy/ Cô vui lòng báo về phòng Tài vụ (C.Thu Kế toán) trước ngày 04/10/2020

THỐNG KÊ TIẾT	SỐ LỚP	SỐ TIẾT /TUẦN	SỐ TUẦN	TỔNG
KHỐI 10	13	8	3	
KHỐI 11	12	8	3	
KHỐI 12	15	9	3	
CHỦ NHIỆM	40	1	3	
KIỂM NHIỆM				

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Đình Đảo